

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2020

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quang H, sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Quang H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1980, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian dài chung sống vợ chồng dần dần xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó dẫn đến cuộc sống gia đình ngày càng mâu thuẫn và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc vợ chồng không còn chung sống khoảng sáu năm nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không thể hàn

gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị D. Trong quá trình chung sống ông và bà D có hai người con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 và Lê Thị H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985; con chung đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng nuôi sống bản thân nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà D vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Quang H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị D. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang H và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ông Lê Quang H và bà Nguyễn Thị D xác lập mối quan hệ vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực nên hôn nhân giữa ông Lê Quang H và bà Nguyễn Thị D vẫn được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa ông H giữ yêu cầu ly hôn với bà D vì cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị D nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng bà D vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông Lê Quang H. Ông H cho rằng không còn thương yêu bà D và vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng sáu năm. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Quang H với bà Nguyễn Thị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Quang H về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông H và bà D có hai người con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 và Lê Thị H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985; các con chung của ông H và bà D đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng nuôi sống bản thân nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung ông Lê Quang H và bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông H phải chịu 300.000đ, ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Quang H và bà Nguyễn Thị D.

- Về án phí: Ông Lê Quang H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019668 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, ông Lê Quang H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều